TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **TP. HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Ông Huỳnh Minh Chánh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Khương **–** *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*****:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 761/2017/TLST-HNGĐ ngày 05-7-2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-12-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21-12-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 24 ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Công T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: A10/27L ấp 2, xã P, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh. (anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23-6-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Công T bắt đầu chung sống từ năm 2007, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 21-8-2009. Khi anh chị về chung sống thì chị mới phát hiện anh T đã nghiện ma túy từ trước khi cưới chị. Khoảng 04 tháng sau thì anh T bị xử hình sự và ở tù hơn 01 năm rồi về; nhưng ngay sau khi về nhà khoảng 02 tuần thì anh T đã tái nghiện. Chị cùng gia đình anh T đã nhiều lần khuyên nhủ, đưa anh T đi cai nghiện nhưng anh T vẫn không thay đổi, để đến năm 2016 thì bị bắt đưa vào cơ sở cai nghiện với thời hạn là 15 tháng. Trong thời gian chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì anh T có những lời lẽ đe dọa đến tính mạng của chị. Sau khi anh T chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc thì anh T tìm gặp chị và có những hành động gây áp lực, xâm hại đến sức khỏe của chị. Nay chị xét thấy anh T đã không còn khả năng để thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung, chị và anh T có một con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 25-4-2010, khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04-9-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án – Bị đơn anh Trần Công T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L bắt đầu chung sống từ năm 2009, có tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 21-8-2009. Thời gian đầu, anh chị sống với nhau rất hạnh phúc, đến ngày 22-7-2016 anh bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy số 3 để cai nghiện. Trong thời gian đó, chị L và con vẫn ở chung với gia đình nhà anh; chị L vẫn lên thăm anh bình thường, vui vẻ, lo lắng quan tâm anh như thường lệ. Đến khoảng tháng 4 năm 2017, anh hay tin chị L dẫn con về quê và nộp đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án. Anh vẫn còn thương vợ thương con rất nhiều, vì hạnh phúc gia đình lâu dài nên anh không đồng ý ly hôn. Khi nào anh hết thời hạn chấp hành sẽ về làm một người tốt, lo làm ăn để chăm lo cho vợ con.

Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L thì đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh được quyền nuôi con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 25/4/2010. Lý do là chị L chăm sóc con không tốt, đi làm cả ngày, giao con cho mẹ vợ chăm sóc, trong khi điều kiện về vật chất thì không đảm bảo cho con anh. Hơn nữa, khi anh đề nghị đón con về nhà anh chơi với cha mẹ anh vài ngày thì chị L cùng gia đình ngăn cản. Anh đề nghị Tòa án xác minh làm rõ vấn đề chăm sóc con của chị L để đảm bảo quyền lợi cho con cũng như của anh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Công T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư ngụ tại A10/27L ấp 2, xã P, huyện Bình Chánh. Như vậy, anh Trường có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của bị đơn, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho anh T nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trường theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 95/2009, Quyển số 01/2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 21-8-2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do đã khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T

không chịu thay đổi theo hướng tích cực mà vẫn tiếp tục vướng vào nghiện ngập; không những vậy còn có những lời lẽ, hành động đe dọa đến tính mạng của chị. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

[6] Còn anh T cho rằng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

[7] Về hôn nhân: theo kết quả trả lời xác minh Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh về tình trạng hôn nhân thì quá trình chung sống giữa chị L và anh T không xảy ra bạo lực gia đình; năm 2016 anh T bị bắt vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hiện nay anh T đã chấp hành xong. Tuy nhiên, việc anh T đã nghiện ngập được xem là "*vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về con chung: Chị L và anh T đều xác nhận có một con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 25-4-2010 (giới tính nam). Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn. Qua xem xét Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Trần Anh D vào ngày 07-9-2017 thì trẻ D có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L. Mặt khác, theo kết quả cung cấp thông tin ngày 23-11-2017 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An thì thu nhập của chị L ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng; đồng thời chị L rất quan tâm chăm sóc, dạy dỗ con tốt, đảm bảo sự phát triển thể chất, khả năng nhận thức của trẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của trẻ nên cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của anh Trần Công T.

[9] Về tài sản chung: Chị L xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung giữa anh và chị L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của chị L, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về nợ chung: Chị L xác định giữa chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ chung giữa anh và chị L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị L, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[12] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Trần Công T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Công T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Công T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 95/2009, Quyển số 01/2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 21-8-2009 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao một con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 25-4-2010 (giới tính nam) cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Công T.

Anh Trần Công T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022289 ngày 03-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Chị L đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Trần Công T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm